TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 735/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bích.

Ông Lê Ngọc Hùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1640/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 193/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm: 1992; địa chỉ: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Phạm Tuấn A, sinh năm: 1989; địa chỉ: Đường F, Phường G, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 11 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P trình bày như sau:

Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Tuấn A cùng tự nguyện tiến tới hôn nhân và chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 91/2014 quyển số: 01/2014 của Ủy ban nhân dân xã I, huyện K, tỉnh L cấp ngày 31 tháng 7 năm 2014.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân là do mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông Tuấn A đã có những lời nói đụng chạm và ghen tuông vô lý với các mối quan hệ làm ăn, bạn bè. Vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 09/2024. Bà xác định hiện nay không còn tình cảm với ông Tuấn A nữa. Nay nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống riêng của mỗi người.

Về con chung: Bà P xác nhận cả hai có 02 con chung tên là Phạm Minh T, sinh ngày 23/10/2015 và Phạm Diệp Thảo N, sinh ngày: 30/10/2017. Hiện nay, con chung tên Phạm Minh T đang sống cùng ông Phạm Tuấn A, do ông Tuấn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Con chung tên Phạm Diệp Thảo N do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Khi ly hôn bà Nguyễn Thị Bích P yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Diệp Thảo N và đồng ý giao con chung tên Phạm Minh T cho ông Phạm Tuấn A được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cả hai không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà P xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà P xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích P có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Phạm Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tự khai, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông Tuấn A đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến, yêu cầu của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng; bị đơn không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Bà Nguyễn Thị Bích P được ly hôn với ông Phạm Tuấn A; về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Bích P yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Diệp Thảo N và giao con chung tên Phạm Minh T cho ông Phạm Tuấn A được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phượng không yêu cầu ông Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con chung; ông Tuấn A vắng mặt không có ý do, không ghi nhận được ý kiến của ông Tuấn A nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét; về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải

quyết nên không xét; về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét. Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 91/2014 quyển số: 01/2014 của Ủy ban nhân dân xã I, huyện K, tỉnh L cấp ngày 31 tháng 7 năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích P và ông Phạm Tuấn A là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh.

Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích P thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện, bị đơn là ông Phạm Tuấn A thực tế cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ bị đơn ông Phạm Tuấn A đến Toà để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; tham gia giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa xét xử vụ án (ngày 23/5/2025 và ngày 20/6/2025) nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Bích P và ông Phạm Tuấn A tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 31 tháng 7 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện K, tỉnh L nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích P và ông Phạm Tuấn A là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do đó bà Phượng yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên, do mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nên hiện nay bà P và ông Tuấn A đã ly thân từ tháng 9/2024 đến nay. Bà P xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Tuấn A. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với ông Phạm Tuấn A đến Tòa án để tự khai, tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Tuấn A đều vắng mặt không

có lý do, cũng như không nộp cho Tòa án ý kiến hay yêu cầu của mình về việc giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Thể hiện ông Tuấn A không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà P và cũng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích P là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ Giấy khai sinh và lời khai của bà Nguyễn Thị Bích P xác định được: Cả hai có 02 con chung tên là Phạm Minh T, sinh ngày 23/10/2015 và Phạm Diệp Thảo N, sinh ngày: 30/10/2017. Hiện nay, con chung tên Phạm Minh T đang sống cùng ông Phạm Tuấn A, do ông Tuấn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Con chung tên Phạm Diệp Thảo N do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Khi ly hôn bà Nguyễn Thị Bích P yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Diệp Thảo N và đồng ý giao con chung tên Phạm Minh T cho ông Phạm Tuấn A được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Mặt khác, theo nguyện vọng của trẻ Thảo N là muốn được ở với mẹ, nguyện vọng của trẻ Minh T là muốn được ở với bố. Nhằm tạo điều kiện cho 02 trẻ được ổn định, không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như trong cuộc sống và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của 02 trẻ, Hội đồng xét xử giao trẻ tên là Phạm Diệp Thảo N, sinh ngày: 30/10/2017 cho bà Nguyễn Thị Bích P được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao trẻ tên là Phạm Minh T, sinh ngày 23/10/2015 cho ông Phạm Tuấn A được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Bích P không yêu cầu ông Phạm Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Phạm Tuấn A vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến của ông Tuấn A về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bích P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà Nguyễn Thị Bích P phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bà Nguyễn Thị Bích P đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các điều 51, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích P:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích P được ly hôn với ông Phạm Tuấn A.

(Giấy chứng nhận kết hôn số: 91/2014 quyển số: 01/2014 của Ủy ban nhân dân xã I, huyện K, tỉnh L cấp ngày 31 tháng 7 năm 2014 hết hiệu lực).

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích P được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Diệp Thảo N, sinh ngày: 30/10/2017 cho đến khi trẻ Thảo N đủ 18 tuổi. Ông Phạm Tuấn A được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Minh T, sinh ngày 23/10/2015 cho đến khi trẻ Minh T đủ 18 tuổi. Cả hai không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ; người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bích P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn Thị Bích P phải chịu, được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0057008 ngày 24/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Bích P đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị Bích P và ông Phạm Tuấn A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tuyết Mai